TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/DS-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Năm.

2. Ông Võ Đức Huy.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-DS ngày 13/5/2024 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp A, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị T, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp A, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp A, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

(*Tất cả vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đặng Văn B trình bày:

Bà T có tham gia hụi do ông B làm chủ, hụi hoa hồng cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ 1: Hụi trị giá 3.000.000đ, khui ngày 15/9/2020 âm lịch, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, bà T tham gia 01 phần, trong phiêu hụi tên T (G) số thứ tự là 03, bà T đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ 03 ngày 15/12/2020 âm lịch, được số tiền 48.960.000đ, đã trừ tiền cò 1.500.000đ, ông B đã giao đủ tiền hụi cho bà T. Sau khi hốt hụi bà T không đóng hụi

04 kỳ hụi cuối số tiền 12.000.000đ, ông B đã đóng hụi thay cho bà T 12.000.000đ, hụi sẽ mãn vào ngày 15/10/2022 âm lịch. Trước đây ông B đã khởi kiện 04 kỳ hụi này và đã được giải quyết theo Bản án số 32/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Tuy nhiên tính đến ngày ông B nộp đơn khởi kiện thì dây hụi này bà T còn nợ ông 03 kỳ số tiền 9.000.000đ, còn 01 kỳ khi nộp đơn chưa đến hạn nên nay ông B khởi kiện yêu cầu bà T, ông V liên đới trả cho ông 01 kỳ hụi tương ứng số tiền 3.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Dây hụi thứ 2: Hụi trị giá 3.000.000đ, khui ngày 05/01/2022 âm lịch, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 19 phần, bà T tham gia 02 phần, trong phiêu hụi tên T (G) số thứ tự là 12, 13, bà T đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ 3 ngày 05/3/2022 âm lịch, được số tiền 41.700.000đ, đã trừ tiền cò 1.500.000đ và hốt hụi vào kỳ hụi thứ 4 ngày 05/4/2022 âm lịch được số tiền 41.000.000đ, ông B đã giao đủ tiền hụi cho bà T; hụi đến ngày 05/6/2023 (do năm 2023 có hai tháng 02 âm lịch và hụi ông khui liên tục) thì mãn. Sau khi hốt hụi thì bà T không đóng hụi, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện thì bà T không đóng hụi 04 kỳ hụi (kỳ hụi thứ 05 tương ứng ngày 05/5/2022 âm lịch đến thứ 08 tương ứng ngày 05/8/2022) số tiền 24.000.000đ, ông B đã đóng hụi thay cho bà T 24.000.000đ. Số tiền hụi bà T, ông V còn nợ ông B 24.000.000đ cũng đã được giải quyết theo Bản án số 32/2023/DS-ST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Từ kỳ hụi thứ 09 tương ứng ngày 05/9/2022 âm lịch đến kỳ thứ 19 tương ứng ngày 05/6/2023 âm lịch thì bà T, ông V không đóng hụi cho ông tương ứng 11 kỳ hụi x 02 phần x 3.000.000 đồng/phần = 66.000.000 đồng, ông B đã đóng thay số tiền 66.000.000 đồng này cho bà T, ông V, do đó nay ông B yêu cầu bà T, ông V liên đới hoàn trả cho ông 66.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tổng cộng ở hai dây hụi trên bà T, ông V còn nợ ông B là 69.000.000 đồng. Việc bà T chơi hụi do ông B làm chủ là trong thời kỳ hôn nhân với ông V nên ông B khởi kiện yêu cầu ông V phải liên đới cùng bà T hoàn trả cho ông số tiền hụi còn nợ là 69.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V vắng mặt không có lời trình bày.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V vắng mặt, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Ông Đặng Văn B khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị T trả số tiền hụi phát sinh từ hợp đồng góp hụi. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thủ Thừa.

[1.2]. Tại phiên tòa vắng mặt bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V nhưng bà T, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt, ông Đặng Văn B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà T và ông V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do bà Lê Thị T có tham gia chơi hụi do ông B làm chủ, đã hốt hụi nhưng không đóng hụi và có tranh chấp liên quan đến 03 dây hụi như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 15/9/2020 âm lịch, trị giá 3.000.000đ, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, bà T tham gia 01 phần, trong phiêu hụi tên T (G) số thứ tự là 03, bà T đã hốt hụi vào kỳ hụi thứ 03 ngày 15/12/2020 âm lịch, được số tiền 48.960.000đ, đã trừ tiền cò 1.500.000đ, ông B đã giao đủ tiền hụi cho bà T. Sau khi hốt hụi bà T không đóng hụi cho ông B tính tới ngày khởi kiện là 03 kỳ số tiền 9.000.000đ, còn 01 kỳ do khi nộp đơn khởi kiện chưa tới hạn nên ông chưa yêu cầu.

Dây 2: Hụi mở ngày 10/11/2020 dương lịch, trị giá 2.000.000đ, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 26 phần, bà T tham gia 01 phần, ngày 10/6/2021 bà T hốt được số tiền 42.260.000đ. Ông B đã giao hụi đầy đủ cho bà T. Sau khi hốt hụi thì bà T không đóng hụi đầy đủ, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện bà T không đóng hụi 05 kỳ số tiền 10.000.000đ.

Dây thứ 3: Hụi mở ngày 05/01/2022 âm lịch, hụi trị giá 3.000.000đ, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 19 phần, bà T tham gia 02 phần, ngày 05/3/2022 bà T hốt được số tiền 41.700.000đ. Ông B đã giao hụi đầy đủ cho bà T. Sau khi hốt hụi thì bà T không đóng hụi đầy đủ, tính đến ngày nộp đơn khởi kiện bà T không đóng hụi cho ông 04 kỳ số tiền 24.000.000đ, còn 11 kỳ hụi do khi nộp đơn khởi kiện chưa tới hạn nên ông chưa yêu cầu.

Ông Đặng Văn B đã khởi kiện bà T, ông V được Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An thụ lý vụ án số 244/2022/TLST-DS ngày 30/12/2022 và giải quyết theo Bản án số 32/2023/DS-ST ngày 28/4/2023, quá trình giải quyết vụ án này bà T thừa nhận có tham gia hụi như ông B khởi kiện và xác định còn nợ ông B 43.000.000đ tiền hụi tính tới ngày ông B khởi kiện, bà T xin trả dần mỗi tháng 500.000đ đến khi trả hết số tiền nợ hụi và nợ vay cho ông B nhưng không được ông B đồng ý.

Hiện nay ông B xác định bà T còn nợ ông 01 kỳ hụi tương ứng số tiền 3.000.000đ ở dây hụi giá 3.000.000đ, khui ngày 15/9/2020 âm lịch, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 22 phần, bà T tham gia 01 phần, trong phiệu hụi tên T (G) số thứ tự là 03 và 11 kỳ hụi x 02 phần tương ứng số tiền 66.000.000đ ở dây hụi mở ngày 05/01/2022 âm lịch, hụi trị giá 3.000.000đ, 01 tháng khui một lần, hụi gồm 19 phần, bà T tham gia 02 phần. Do đó ông B yêu cầu bà T, ông V liên đới hoàn trả cho ông tổng số tiền hụi còn nợ là 69.000.000đ. Lý do việc bà T tham gia chơi hụi do ông B làm chủ là trong thời kỳ hôn nhân.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn V vắng mặt. Theo xác nhận của Công an xã NT, huyện TT thể hiện bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn V có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành tống đạt

thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, bà T, ông V đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Tòa án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ theo khoản 3 Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ thì "Nghĩa vụ của chủ họ … giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ" và Điều 23 "Trách nhiệm của chủ họ do không giao hoặc giao không đầy đủ các phần họ cho thành viên được lĩnh họ: Trường hợp đến kỳ mở họ mà chủ họ không giao các phần họ cho thành viên được lĩnh họ thì chủ họ có trách nhiệm đối với thành viên đó như sau: 1. Thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 18 của Nghị định này."

Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Xét thấy các dây hụi phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà T, ông V đang tồn tại. Mục đích chơi hụi để trang trải kinh tế gia đình. Do đó, yêu cầu buộc liên đới của ông B là có cơ sở được chấp nhận.

Do đó căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn V có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Đặng Văn B số tiền hụi 69.000.000đ.

Ông Đặng Văn B không yêu cầu tính lãi nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông B được chấp nhận nên bà Tuyết ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông B theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Ông B không phải chịu án phí, có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi nên không hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn B về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V.

Buộc bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V liên đới hoàn trả cho ông Đặng Văn B số tiền 69.000.000 (Sáu mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V phải liên đới chịu 3.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, ông Đặng Văn B, bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn V vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện Thủ Thừa,
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa,
- Các đương sự,
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Quân